KHU NGHỈ DƯỠNG THẤP TẦNG BIỂN THUỘC GIAI ĐOẠN 2
DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG NAM HỘI AN

TUYẾN ĐẠI LỘ CHÍNH (GÓI 1)
(PHẠM VI ĐÃ TRIỂN KHAI GĐ1)

KHU C: KHU NGHỈ DƯỠNG - GOLF HOTEL

KHU SÂN GÔN GIAI ĐOẠN 1 (GÓI 6) THUỘC GIAI ĐOẠN 1
DỰ ÁN KHU NGHỈ DƯỠNG NAM HỘI AN

A-TM04A
10.413,2

A-TM04B
9.753,0

A-TM05A
58.174,7

A-TM05B
9.019,4

A-TM05C
12.773,9

CX1
8.850,3

CX2
2.700,8

A-TM06
17.690,8

Câu Lạc Bộ

ĐƯỜNG NỐI TỪ CẦU BÌNH DƯƠNG
ĐẾN ĐƯỜNG VÕ CHÍ CÔNG

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số SDĐ (lần)
I	**Đất thương mại dịch vụ**		**117.825,0**	**69,5**	**3**	**0,6**
1	Khu biệt thự du lịch 1	A-TM04A	10.413,2			
2	Khu biệt thự du lịch 2	A-TM04B	9.753,0			
3	Khu biệt thự du lịch 3	A-TM05A	58.174,7			
4	Khu biệt thự du lịch 4	A-TM05B	9.019,4			
5	Khu biệt thự du lịch 5	A-TM05C	12.773,9			
6	Khu biệt thự du lịch 6	A-TM06	17.690,8			
II	**Đất cây xanh**		**11.551,1**	**6,8**	**-**	**-**
1	Đất cây xanh 1	CX1	8.850,3			
2	Đất cây xanh 2	CX2	2.700,8			
III	**Đất giao thông và HTKT khác**		**40.046,3**	**23,7**		
	TỔNG		**169.422,4**	**100,0**		

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH

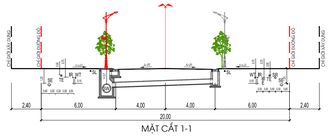

MẶT CẮT 1-1

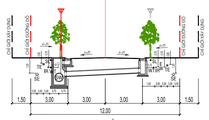

MẶT CẮT 2-2

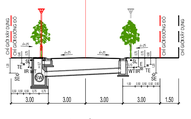

MẶT CẮT 3-3

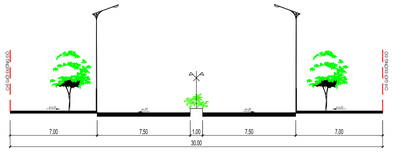

MẶT CẮT 4 - 4 TUYẾN ĐẠI LỘ CHÍNH

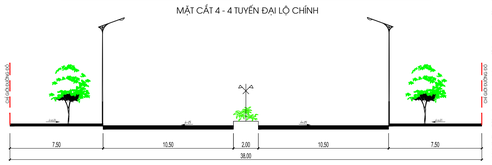

MẶT CẮT 5-5 TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ CẦU BÌNH DƯƠNG ĐẾN ĐƯỜNG VÕ CHÍ CÔNG

BẢNG TỔNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC 1

STT	ĐIỂM	X	Y
1	S1	1749459,4620	570409,6588
2	S2	1749359,4290	570210,6513
3	S3	1749379,4060	570200,9530
4	S4	1749429,2620	570224,9294
5	S5	1749490,8530	570189,5530
6	S6	1749547,2020	570112,5556
7	S7	1749667,7390	569969,4407
8	S8	1749723,7670	569925,4090
9	S9	1749761,7650	569928,4597
10	S10	1749786,5540	569910,9289
11	S11	1749820,0360	569910,8456
12	S12	1749854,1200	569917,3927
13	S13	1749894,9440	569906,9370
14	S14	1749906,4330	569893,4544
15	S15	1749932,0760	569869,1396
16	S16	1749940,4640	569847,0149
17	S17	1749969,2401	569812,0532
18	S18	1749995,2203	569784,1650
19	S19	1750090,2280	569571,0277
20	S20	1750103,6040	569549,8261
21	S21	1750119,4003	569533,6498
22	S22	1750124,0796	569571,6436
23	S23	1750112,8230	569575,8042
24	S24	1750111,0610	569579,0612
25	S25	1750106,6720	569584,1687
26	S26	1750013,2360	569792,8066
27	S27	1749981,5050	569827,8514
28	S28	1749955,5690	569860,1726
29	S29	1749949,8060	569865,3664
30	S30	1749953,1570	569885,9921
31	S31	1749936,3720	569888,6861
32	S32	1749925,8270	569898,3437
33	S33	1749902,8480	569925,3080
34	S34	1749856,0204	569937,3022
35	S35	1749813,7470	569929,8649
36	S36	1749788,2980	569930,9786
37	S37	1749810,5360	569992,2557
38	S38	1749733,3630	570134,3003
39	S39	1749706,9770	570168,0408
40	S40	1749646,3400	570232,3455
41	S41	1749634,6050	570262,4091
42	S42	1749649,4240	570303,8348

BẢNG TỔNG KÊ TOẠ ĐỘ RANH GIỚI KHU VỰC 2

STT	ĐIỂM	X	Y
1	S43	1749709,6410	570314,9509
2	S44	1749764,7260	570272,6759
3	S45	1749838,6503	570346,5938
4	S46	1749809,2550	570439,8996
5	S47	1749917,8450	570498,8297
6	S48	1749751,8450	570563,3106
7	S49	1749711,4990	570595,5172
8	S50	1749680,3990	570606,0345
9	S51	1749651,0080	570525,7639
10	S52	1749630,3510	570435,8460
11	S53	1749633,2810	570356,0404
12	S54	1749627,6920	570332,5499
13	S55	1749610,8540	570294,0650
14	S56	1749605,1990	570243,6682
15	S57	1749568,3070	570242,0353
16	S58	1749548,3640	570253,3297
17	S59	1749479,9004	570315,1852
18	S60	1749506,3150	570391,3262
19	S61	1750041,7520	569971,1262
20	S62	1750053,0120	569961,5691
21	S63	1750053,9930	569942,5473
22	S64	1750060,2370	569936,8161
23	S65	1750060,2560	569926,4784
24	S66	1750056,2710	569926,7307
25	S67	1750075,5570	569918,8772
26	S68	1750117,1960	569917,1745
27	S69	1750140,9960	569927,4027
28	S70	1750166,5050	569934,6988
29	S71	1750235,5280	570014,3046
30	S72	1750239,6202	570036,9442
31	S73	1750238,9840	570075,1049
32	S74	1750232,5801	570087,8967
33	S75	1750242,9760	570104,3127
34	S76	1750234,2120	570107,7699
35	S77	1750224,3270	570091,4816
36	S78	1750216,4350	570092,9869
37	S79	1750202,5230	570091,5281
38	S80	1750187,9260	570096,3915
39	S81	1750182,2030	570101,0883
40	S82	1750169,2103	570098,5221
41	S83	1750163,3140	570094,4581
42	S84	1750151,2710	570097,5726

B

GHI CHÚ:

KÝ HIỆU:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
1	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ		
2	ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG HẠN CHẾ		
3	ĐẤT GIAO THÔNG		
6	ĐƯỜNG GIAO THÔNG		

RANH GIỚI QUY HOẠCH

RANH GIỚI KHU NGHỈ DƯỠNG THẤP TẦNG BIỂN THUỘC GIAI ĐOẠN 2.

RANH GIỚI TUYẾN ĐẠI LỘ CHÍNH - GÓI 1 THUỘC GIAI ĐOẠN 1.

RANH GIỚI KHU SÂN GÔN GIAI ĐOẠN 1 - GÓI 6, THUỘC GIAI ĐOẠN 1.

CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

A-TM05C
12.773,9
KÍ HIỆU LÔ ĐẤT
DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)

RG-4
MỐC TOẠ ĐỘ RANH GIỚI QH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG...NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ.....NGÀY.....THÁNG...NĂM 2025

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NAM HỘI AN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG...NĂM 2025

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NAM HỘI AN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG...NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/500)
KHU NGHỈ DƯỠNG NAM HỘI AN (GIAI ĐOẠN 2B) - KHU B
ĐỊA ĐIỂM: X THĂNG AN VÀ X DUY NGHĨA, TP ĐÀ NẴNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-04	GHÉP: A0	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY:..../2025
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN KÔNG NHẬT		
	KTS. HUỲNH CAO CHÂU TUẤN		
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN HIỆP ĐỊNH		
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN HIỆP ĐỊNH		
TRƯỞNG PHÒNG	KS. LÊ THANH A		
QL. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN THANH SƠN		

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỆP ĐỊNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: **CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & THI CÔNG A.CENTER**
ĐỊA CHỈ: 60 NGUYỄN VĂN TRỖI, P. BÀN THẠCH, TP ĐÀ NẴNG
ĐIỆN THOẠI: 0905.258.513; EMAIL: ARCHIEPDINH@GMAIL.COM